

Số: 03/2023/QĐCNHGT-DS

T, ngày 17 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Tổng công ty G với anh Kiều Đức S, Công ty lâm nghiệp X;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện Dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” đề ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Tổng công ty G.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. *Người khởi kiện*: Tổng công ty G.

Địa chỉ trụ sở: Số 25A, phố L, phường Ph, quận H, thành phố Hà Nội;

- *Người đại diện theo pháp luật*: ông Hoàng Quốc L – chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên.

- *Người đại diện theo ủy quyền*:

+ Ông Nguyễn Khắc L – chức vụ: Chuyên viên pháp chế - Tổng công ty G;

+ Ông Phan Sỹ Ch – chức danh: Trưởng phòng tổ chức hành chính, Công ty Lâm nghiệp X;

+ Bà Hà Thị Kim L1 – chức danh: Trưởng phòng tài chính kế toán, Công ty Lâm nghiệp X.

2. *Người Bị kiện*: Ông Kiều Đức S, sinh năm 1994.

Địa chỉ: khu Đ, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Công ty Lâm nghiệp X.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Xuân Q – chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 3 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

- Ngày 12/7/2021, Công ty Lâm nghiệp X (sau đây viết tắt là Công ty X) thuộc Tổng Công ty G (sau đây viết tắt là Tổng công ty G) có ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 38/HĐ-CTLNXĐ với anh Kiều Đức S. Theo đó, anh S mua tài sản của Công ty X qua đấu giá là gỗ Keo cây đứng và củi keo tận thu tại Đội 1, Công ty X (keo trồng năm 2014); cụ thể: Gói số 11, khoảnh 33, lô số 3, sản lượng gỗ: 202,2m³, khối lượng củi 22,8 Stes. Tổng giá trị Hợp đồng là 176.272.200 đồng. Anh S có trách nhiệm thanh toán 100% tiền mua theo hợp đồng cho Công ty X trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng và anh S khai thác cây xong, anh S chỉ thanh toán cho Công ty X số tiền 78.000.000 đồng. Đã nhiều lần Công ty X yêu cầu anh S phải trả số tiền còn nợ, nhưng anh S chưa trả được cho Công ty X.

- Đến ngày 31/12/2022, anh S còn nợ Công ty X số tiền gốc theo Hợp đồng là 98.272.200 đồng (chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng), số tiền lãi là 17.100.980 đồng (mười bảy triệu một trăm nghìn chín trăm tám mươi đồng). Tổng cả gốc và lãi là 115.373.180 đồng (một trăm mười lăm triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn một trăm tám mươi đồng).

- Nay Tổng công ty G, anh S và Công ty X thống nhất thỏa thuận, ngày 27/02/2023 anh S đã trả cho Công ty X 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng), số tiền anh S còn nợ là 101.373.180 đồng (một trăm linh một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn một trăm tám mươi đồng); anh S có trách nhiệm trả cho Công ty X vào ngày 21/3/2023.

- Trong trường hợp đến hạn trả nợ, anh S chưa trả được số tiền trên cho Công ty X, thì anh S còn phải chịu số tiền lãi quá hạn đối với số còn phải thi hành án đến khi anh S thực hiện xong toàn bộ các nghĩa vụ liên quan đến số tiền phải trả cho Công ty X, mức lãi quá hạn là 1%/1 tháng.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).
 - (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).
 - (3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.
 - (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.
 - (5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.
 - (6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).
- (7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.